

ĐỀ CƯƠNG MÔN CÔNG NGHỆ 10 GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2023-2024

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Hình chiếu phối cảnh hai điểm tụ nhận được khi

- A. mặt tranh không song song với một mặt nào của vật thể.**
- B. mặt tranh tùy ý.
- C. mặt tranh song song với một mặt của vật thể.
- D. mặt tranh song song với mặt phẳng vật thể.

Câu 2: Hình chiếu phối cảnh 1 điểm tụ nhận được khi mặt tranh.....với 1 mặt của vật thể.

- A. song song.**
- B. không song song.
- C. vuông góc.
- D. cắt nhau.

Câu 3: Hình chiếu phối cảnh thường được sử dụng trong các bản vẽ nào?

- A. Bản vẽ chi tiết.
- B. Bản vẽ thiết kế kiến trúc và xây dựng.**
- C. Bản vẽ cơ khí.
- D. Bản vẽ lắp.

Câu 4: Trong hình chiếu phối cảnh mặt phẳng thẳng đứng đặt vuông góc với mặt phẳng vật thể?

- A. Mặt phẳng tầm mắt.
- B. Mặt phẳng vật thể.
- C. Mặt tranh.**
- D. Điểm nhìn.

Câu 5: Trong hình chiếu phối cảnh mặt phẳng nằm ngang đi qua điểm nhìn được gọi là

- A. mặt phẳng tầm mắt.**
- B. mặt phẳng vật thể.
- C. mặt tranh.
- D. điểm nhìn.

Câu 6: Khi xây dựng hình chiếu phối cảnh, mặt phẳng tầm mắt cắt mặt tranh theo một đường thẳng gọi là

- A. đường chân trời.**
- B. mặt phẳng vật thể.
- C. mặt chiếu.
- D. mặt phẳng tầm mắt.

Câu 7: Dựa vào số điểm tụ, người ta chia hình chiếu phối cảnh làm mấy loại?

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.**
- D. 4.

Câu 8: Quy trình vẽ phác hình chiếu phối cảnh một điểm tụ gồm mấy bước?

- A. 2.
- B. 4.
- C. 6.**
- D. 7.

Câu 9: Bước đầu tiên của quy trình vẽ phác hình chiếu phối cảnh một điểm tụ là

A. vẽ đường chân trời.

B. chọn điểm tụ.

C. vẽ hình chiếu đứng của vật thể.

D. vẽ hình chiếu phối cảnh của các đường thẳng vuông góc với mặt tranh.

Câu 10: Bước thứ hai của quy trình vẽ phác hình chiếu phối cảnh một điểm tụ là

A. vẽ đường chân trời.

B. chọn điểm tụ.

C. vẽ hình chiếu đứng của vật thể.

D. vẽ hình chiếu phối cảnh của các đường thẳng vuông góc với mặt tranh.

Câu 11: Bước thứ ba của quy trình vẽ phác hình chiếu phối cảnh một điểm tụ là

A. vẽ đường chân trời.

B. chọn điểm tụ.

C. vẽ hình chiếu đứng của vật thể.

D. vẽ hình chiếu phối cảnh của các đường thẳng vuông góc với mặt tranh.

Câu 12: Bước thứ tư của quy trình vẽ phác hình chiếu phối cảnh một điểm tụ là

A. vẽ đường chân trời.

B. chọn điểm tụ.

C. vẽ hình chiếu đứng của vật thể.

D. vẽ hình chiếu phối cảnh của các đường thẳng vuông góc với mặt tranh.

Câu 13: Bước thứ năm của quy trình vẽ phác hình chiếu phối cảnh một điểm tụ là

A. vẽ đường chân trời.

B. chọn điểm tụ.

C. đưa độ rộng vào hình chiếu phối cảnh.

D. hoàn thiện hình.

Câu 14: Bước thứ sáu của quy trình vẽ phác hình chiếu phối cảnh một điểm tụ là

A. vẽ đường chân trời.

B. chọn điểm tụ.

C. đưa độ rộng vào hình chiếu phối cảnh.

D. hoàn thiện hình.

Câu 15: Có mấy loại ren?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 16: Đối với ren nhìn thấy, đường đỉnh ren vẽ bằng nét gì?

A. Nét liền đậm.

B. Nét liền mảnh.

C. Nét đứt mảnh.

D. Nét gạch chấm mảnh.

Câu 17: Đối với ren nhìn thấy, đường giới hạn ren vẽ bằng nét gì?

A. Nét liền đậm.

B. Nét liền mảnh.

C. Nét đứt mảnh.

D. Nét gạch chấm mảnh.

Câu 18: Đối với ren nhìn thấy, đường chân ren vẽ bằng nét gì?

A. Nét liền đậm.

B. Nét liền mảnh.

C. Nét đứt mảnh.

D. Nét gạch chấm mảnh.

Câu 19: Đối với ren nhìn thấy, vòng đỉnh ren vẽ bằng nét gì?

A. Nét liền đậm.

B. Nét liền mảnh.

C. Nét đứt mảnh.

D. Nét gạch chấm mảnh.

Câu 20: Đối với ren nhìn thấy, vòng chân ren vẽ bằng nét gì?

A. Nét liền đậm.

B. Nét liền mảnh.

C. Nét đứt mảnh.

D. Nét gạch chấm mảnh.

Câu 21: Có mấy loại bản vẽ kỹ thuật?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 22: Công dụng của bản vẽ chi tiết là

A. thiết kế và chế tạo chi tiết.

B. chế tạo và kiểm tra chi tiết.

C. thiết kế và kiểm tra chi tiết.

D. lắp ráp các chi tiết

Câu 23: Nội dung của bản vẽ lắp là

A. thể hiện hình dạng, kích thước và yêu cầu kỹ thuật của chi tiết.

B. thể hiện hình dạng và vị trí tương quan của một nhóm chi tiết được lắp với nhau.

C. thể hiện hình dạng và yêu cầu kỹ thuật của chi tiết.

D. thể hiện kích thước và vị trí tương quan của một nhóm chi tiết.

Câu 24: Trình tự các bước để lập bản vẽ chi tiết như sau

A. vẽ mờ – Ghi phần chữ – Bố trí các hình biểu diễn và khung tên – Tô đậm.

B. bố trí các hình biểu diễn và khung tên – Vẽ mờ – Ghi phần chữ – Tô đậm.

C. vẽ mờ – Bố trí các hình biểu diễn và khung tên – Ghi phần chữ – Tô đậm.

D. bố trí các hình biểu diễn và khung tên – Vẽ mờ – Tô đậm – Ghi phần chữ.

Câu 25: Trên bản vẽ chi tiết, hình biểu diễn.

A. thể hiện hình dạng chi tiết máy.

B. thể hiện độ lớn các bộ phận của chi tiết máy.

C. gồm các kí hiệu về độ nhám bề mặt, dung sai, các chỉ dẫn về gia công, xử lí bề mặt.

D. gồm các nội dung quản lí bản vẽ, quản lí sản phẩm.

Câu 26: Trên bản vẽ chi tiết, các kích thước

A. thể hiện hình dạng chi tiết máy.

B. thể hiện độ lớn các bộ phận của chi tiết máy.

C. gồm các kí hiệu về độ nhám bề mặt, dung sai, các chỉ dẫn về gia công, xử lí bề mặt.

D. gồm các nội dung quản lí bản vẽ, quản lí sản phẩm.

Câu 27: Trên bản vẽ chi tiết, các yêu cầu kĩ thuật

A. thể hiện hình dạng chi tiết máy.

B. thể hiện độ lớn các bộ phận của chi tiết máy.

C. gồm các kí hiệu về độ nhám bề mặt, dung sai, các chỉ dẫn về gia công, xử lí bề mặt.

D. gồm các nội dung quản lí bản vẽ, quản lí sản phẩm.

Câu 28: Trên bản vẽ chi tiết, khung tên

A. thể hiện hình dạng chi tiết máy.

B. thể hiện độ lớn các bộ phận của chi tiết máy.

C. gồm các kí hiệu về độ nhám bề mặt, dung sai, các chỉ dẫn về gia công, xử lí bề mặt.

D. gồm các nội dung quản lí bản vẽ, quản lí sản phẩm.

Câu 29: Lập bản vẽ chi tiết gồm mấy bước?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 30: Bước 1 của quy trình lập bản vẽ chi tiết là

A. tìm hiểu công dụng, yêu cầu kĩ thuật của chi tiết.

B. chọn phương án biểu diễn.

C. vẽ các hình biểu diễn.

D. ghi kích thước, các yêu cầu kĩ thuật và nội dung khung tên.

Câu 31: Bước 2 của quy trình lập bản vẽ chi tiết là

A. tìm hiểu công dụng, yêu cầu kĩ thuật của chi tiết.

B. chọn phương án biểu diễn.

C. vẽ các hình biểu diễn.

D. ghi kích thước, các yêu cầu kĩ thuật và nội dung khung tên.

Câu 32: Bước 3 của quy trình lập bản vẽ chi tiết là

A. tìm hiểu công dụng, yêu cầu kĩ thuật của chi tiết.

B. chọn phương án biểu diễn.

C. vẽ các hình biểu diễn.

D. ghi kích thước, các yêu cầu kỹ thuật và nội dung khung tên.

Câu 33: Bước 4 của quy trình lập bản vẽ chi tiết là

A. tìm hiểu công dụng, yêu cầu kỹ thuật của chi tiết.

B. chọn phương án biểu diễn.

C. vẽ các hình biểu diễn.

D. ghi kích thước, các yêu cầu kỹ thuật và nội dung khung tên.

Câu 34: Nội dung bản vẽ lắp có

A. các hình biểu diễn.

B. kích thước.

C. bảng kê.

D. cả 3 đáp án trên.

Câu 35: Trên bản vẽ lắp, hình biểu diễn

A. thể hiện hình dạng và vị trí của chi tiết trong sản phẩm.

B. gồm kích thước chung và kích thước lắp giữa các chi tiết.

C. gồm thông tin tên các chi tiết, số lượng và vật liệu chế tạo.

D. gồm các nội dung quản lý bản vẽ, quản lý sản phẩm.

Câu 36: Trên bản vẽ lắp, kích thước

A. thể hiện hình dạng và vị trí của chi tiết trong sản phẩm.

B. gồm kích thước chung và kích thước lắp giữa các chi tiết.

C. gồm thông tin tên các chi tiết, số lượng và vật liệu chế tạo.

D. gồm các nội dung quản lý bản vẽ, quản lý sản phẩm.

Câu 37: Trên bản vẽ lắp, bảng kê

A. thể hiện hình dạng và vị trí của chi tiết trong sản phẩm.

B. gồm kích thước chung và kích thước lắp giữa các chi tiết.

C. gồm thông tin tên các chi tiết, số lượng và vật liệu chế tạo.

D. gồm các nội dung quản lý bản vẽ, quản lý sản phẩm.

Câu 38: Quá trình thiết kế một công trình thường trải qua mấy giai đoạn?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 39: Quá trình thiết kế một công trình có mấy loại bản vẽ?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 40: Quá trình thiết kế một công trình có loại bản vẽ nào sau đây?

- A. Bản vẽ thiết kế phương án. B. Bản vẽ thiết kế kỹ thuật.
C. Bản vẽ kỹ thuật thi công. D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 41: Bản vẽ thiết kế phương án

A. gồm các bản vẽ thể hiện ý tưởng của người thiết kế.

B. gồm các bản vẽ thể hiện toàn bộ công trình và của các bộ phận trong công trình, thể hiện cấu tạo kiến trúc, vật liệu, ... tạo thành công trình đó.

C. trình bày cách tổ chức, xây dựng công trình.

D. cả 3 đáp án trên.

Câu 42: Bản vẽ kỹ thuật thi công

A. gồm các bản vẽ thể hiện ý tưởng của người thiết kế.

B. gồm các bản vẽ thể hiện toàn bộ công trình và của các bộ phận trong công trình, thể hiện cấu tạo kiến trúc, vật liệu, ... tạo thành công trình đó.

C. trình bày cách tổ chức, xây dựng công trình.

D. cả 3 đáp án trên.

Câu 43: Ngôi nhà có mấy hình biểu diễn chính?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 44: Bước 1 của quy trình lập bản vẽ mặt bằng ngôi nhà là

A. vẽ hệ thống trục của các tường hoặc cột bằng nét gạch chấm mảnh.

B. vẽ đường bao quanh của hệ thống các cột, tường và vách ngăn.

C. vẽ kí hiệu cầu thang các tầng.

D. ghi kích thước.

Câu 45: Bước 2 của quy trình lập bản vẽ mặt bằng ngôi nhà là

A. vẽ hệ thống trục của các tường hoặc cột bằng nét gạch chấm mảnh.

B. vẽ đường bao quanh của hệ thống các cột, tường và vách ngăn.

C. vẽ kí hiệu cầu thang các tầng.

D. ghi kích thước.

Câu 46: Bước 3 của quy trình lập bản vẽ mặt bằng ngôi nhà là

A. vẽ hệ thống trục của các tường hoặc cột bằng nét gạch chấm mảnh.

B. vẽ đường bao quanh của hệ thống các cột, tường và vách ngăn.

C. vẽ kí hiệu cầu thang các tầng.

D. ghi kích thước.

Câu 47: Bước 4 của quy trình lập bản vẽ mặt bằng ngôi nhà là

- A. vẽ hệ thống trục của các tường hoặc cột bằng nét gạch chấm mảnh.
- B. vẽ đường bao quanh của hệ thống các cột, tường và vách ngăn.
- C. vẽ kí hiệu cầu thang các tầng.

D. ghi kích thước.

Câu 48: Lập bản vẽ bằng máy tính có mấy ưu điểm?

- A. 1.
- B. 2.**
- C. 3.
- D. 4.

Câu 49: Quy trình lập bản vẽ bằng máy tính gồm mấy bước?

- A. 1.
- B. 3.
- C. 5.**
- D. 7.

Câu 50: Bước 1 của quy trình lập bản vẽ bằng máy tính là

- A. khởi động phần mềm.**
- B. tạo bản vẽ mới.
- C. thiết lập các thông số ban đầu.
- D. phân tích bản vẽ và tiến hành vẽ.

Câu 51: Bước 2 của quy trình lập bản vẽ bằng máy tính là

- A. khởi động phần mềm.
- B. tạo bản vẽ mới.**
- C. thiết lập các thông số ban đầu.
- D. phân tích bản vẽ và tiến hành vẽ.

Câu 52: Bước 3 của quy trình lập bản vẽ bằng máy tính là

- A. khởi động phần mềm.
- B. tạo bản vẽ mới.
- C. thiết lập các thông số ban đầu.**
- D. phân tích bản vẽ và tiến hành vẽ.

Câu 53: Bước 4 của quy trình lập bản vẽ bằng máy tính là

- A. khởi động phần mềm.
- B. tạo bản vẽ mới.
- C. thiết lập các thông số ban đầu.
- D. phân tích bản vẽ và tiến hành vẽ.**

Câu 54: Bước 5 của quy trình lập bản vẽ bằng máy tính là

- A. kết xuất bản vẽ.**
- B. tạo bản vẽ mới.
- C. thiết lập các thông số ban đầu.
- D. phân tích bản vẽ và tiến hành vẽ.

Câu 55: Giao diện của phần mềm AutoCAD gồm mấy phần?

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.**

Câu 56: Trong giao diện của phần mềm AutoCAD, thực đơn là

- A. hàng chữ nằm trên cùng.**
- B. nằm ngay bên dưới thực đơn.
- C. vùng không gian lớn nhất ở trung tâm màn hình.
- D. nằm bên dưới vùng đồ họa.

Câu 57: Trong giao diện của phần mềm AutoCAD, thanh công cụ là

A. hàng chữ nằm trên cùng.

B. nằm ngay bên dưới thực đơn.

C. vùng không gian lớn nhất ở trung tâm màn hình.

D. nằm bên dưới vùng đồ họa.

Câu 58: Trong giao diện của phần mềm AutoCAD, vùng đồ họa là

A. hàng chữ nằm trên cùng.

B. nằm ngay bên dưới thực đơn.

C. vùng không gian lớn nhất ở trung tâm màn hình.

D. nằm bên dưới vùng đồ họa.

Câu 59: Trong giao diện của phần mềm AutoCAD, dòng lệnh là

A. hàng chữ nằm trên cùng.

B. nằm ngay bên dưới thực đơn.

C. vùng không gian lớn nhất ở trung tâm màn hình.

D. nằm bên dưới vùng đồ họa.

Câu 60: Phần mềm CAD có mấy chức năng hỗ trợ?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 61: Hoạt động thiết kế gồm mấy bước chủ yếu?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 62: Hoạt động thiết kế kỹ thuật có mấy vai trò chủ yếu?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 63: Có mấy nghề nghiệp liên quan đến thiết kế?

A. 1.

B. 3.

C. 5.

D. 7.

Câu 64: Nghề nghiệp thiết kế đầu tiên được giới thiệu trong chương trình là gì?

A. Kiến trúc sư xây dựng.

B. Kiến trúc sư cảnh quan.

C. Nhà thiết kế và trang trí nội thất.

D. Nhà thiết kế sản phẩm.

Câu 65: Nghề nghiệp thiết kế thứ hai được giới thiệu trong chương trình là gì?

A. Kiến trúc sư xây dựng.

B. Kiến trúc sư cảnh quan.

C. Nhà thiết kế và trang trí nội thất.

D. Nhà thiết kế sản phẩm.

Câu 66: Nghề nghiệp thiết kế thứ ba được giới thiệu trong chương trình là gì?

A. Kiến trúc sư xây dựng.

B. Kiến trúc sư cảnh quan.

C. Nhà thiết kế và trang trí nội thất.

D. Nhà thiết kế sản phẩm.

Câu 67: Nghề nghiệp thiết kế thứ tư được giới thiệu trong chương trình là gì?

- A. Kiến trúc sư xây dựng. B. Kiến trúc sư cảnh quan.
C. Nhà thiết kế và trang trí nội thất. D. Nhà thiết kế sản phẩm.

Câu 68: Nghề nghiệp thiết kế thứ năm được giới thiệu trong chương trình là gì?

- A. Nhà thiết kế thời trang. B. Kiến trúc sư cảnh quan.
C. Nhà thiết kế và trang trí nội thất. D. Nhà thiết kế sản phẩm.

Câu 69: Công việc của kiến trúc sư xây dựng là gì?

A. Thiết kế các toàn nhà thương mại, công nghiệp, viện nghiên cứu, khu dân cư, giải trí và lên kế hoạch giám sát việc xây dựng, bảo trì và khôi phục chúng.

B. Lên kế hoạch và thiết kế cảnh quan, không gian mở cho các dự án như công viên, trường học, tổ chức, đường giao thông, khu vực bên ngoài cho các khu thương mại, công nghiệp, khu dân cư; lập kế hoạch và giám sát việc xây dựng, bảo trì và khôi phục chúng.

C. Lên kế hoạch và thiết kế nội thất nhà thương mại, công nghiệp, công cộng, bán lẻ và nhà ở để tạo ra một môi trường phù hợp với mục đích, có tính đến các yếu tố nâng cao môi trường sống, làm việc và xúc tiến bán hàng.

D. Thiết kế hình thức của các sản phẩm chúng ta thường sử dụng hàng ngày sao cho hấp dẫn.

Câu 70: Công việc của kiến trúc sư cảnh quan là gì?

A. Thiết kế các toàn nhà thương mại, công nghiệp, viện nghiên cứu, khu dân cư, giải trí và lên kế hoạch giám sát việc xây dựng, bảo trì và khôi phục chúng.

B. Lên kế hoạch và thiết kế cảnh quan, không gian mở cho các dự án như công viên, trường học, tổ chức, đường giao thông, khu vực bên ngoài cho các khu thương mại, công nghiệp, khu dân cư; lập kế hoạch và giám sát việc xây dựng, bảo trì và khôi phục chúng.

C. Lên kế hoạch và thiết kế nội thất nhà thương mại, công nghiệp, công cộng, bán lẻ và nhà ở để tạo ra một môi trường phù hợp với mục đích, có tính đến các yếu tố nâng cao môi trường sống, làm việc và xúc tiến bán hàng.

D. Thiết kế hình thức của các sản phẩm chúng ta thường sử dụng hàng ngày sao cho hấp dẫn.

Câu 71: Công việc của nhà thiết kế và trang trí nội thất là gì?

A. Thiết kế các toàn nhà thương mại, công nghiệp, viện nghiên cứu, khu dân cư, giải trí và lên kế hoạch giám sát việc xây dựng, bảo trì và khôi phục chúng.

B. Lên kế hoạch và thiết kế cảnh quan, không gian mở cho các dự án như công viên, trường học, tổ chức, đường giao thông, khu vực bên ngoài cho các khu thương mại, công nghiệp, khu dân cư; lập kế hoạch và giám sát việc xây dựng, bảo trì và khôi phục chúng.

C. Lên kế hoạch và thiết kế nội thất nhà thương mại, công nghiệp, công cộng, bán lẻ và nhà ở để tạo ra một môi trường phù hợp với mục đích, có tính đến các yếu tố nâng cao môi trường sống, làm việc và xúc tiến bán hàng.

D. Thiết kế hình thức của các sản phẩm chúng ta thường sử dụng hàng ngày sao cho hấp dẫn.

Câu 72: Công việc của nhà thiết kế sản phẩm là gì?

A. Thiết kế các toàn nhà thương mại, công nghiệp, viện nghiên cứu, khu dân cư, giải trí và lên kế hoạch giám sát việc xây dựng, bảo trì và khôi phục chúng.

B. Lên kế hoạch và thiết kế cảnh quan, không gian mở cho các dự án như công viên, trường học, tổ chức, đường giao thông, khu vực bên ngoài cho các khu thương mại, công nghiệp, khu dân cư; lập kế hoạch và giám sát việc xây dựng, bảo trì và khôi phục chúng.

C. Lên kế hoạch và thiết kế nội thất nhà thương mại, công nghiệp, công cộng, bán lẻ và nhà ở để tạo ra một môi trường phù hợp với mục đích, có tính đến các yếu tố nâng cao môi trường sống, làm việc và xúc tiến bán hàng.

D. Thiết kế hình thức của các sản phẩm chúng ta thường sử dụng hàng ngày sao cho hấp dẫn.

Câu 73: Công việc của nhà thiết kế thời trang là gì?

A. Vẽ phác thảo lựa chọn chất liệu và hoa văn và chỉ dẫn cách sản xuất sản phẩm vừa thiết kế.

B. Lên kế hoạch và thiết kế cảnh quan, không gian mở cho các dự án như công viên, trường học, tổ chức, đường giao thông, khu vực bên ngoài cho các khu thương mại, công nghiệp, khu dân cư; lập kế hoạch và giám sát việc xây dựng, bảo trì và khôi phục chúng.

C. Lên kế hoạch và thiết kế nội thất nhà thương mại, công nghiệp, công cộng, bán lẻ và nhà ở để tạo ra một môi trường phù hợp với mục đích, có tính đến các yếu tố nâng cao môi trường sống, làm việc và xúc tiến bán hàng.

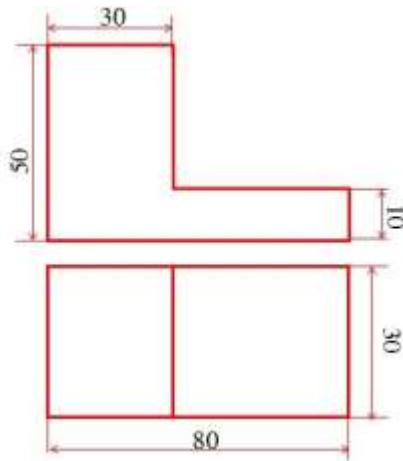
D. Thiết kế hình thức của các sản phẩm chúng ta thường sử dụng hàng ngày sao cho hấp dẫn.

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 12. Hình chiếu phối cảnh

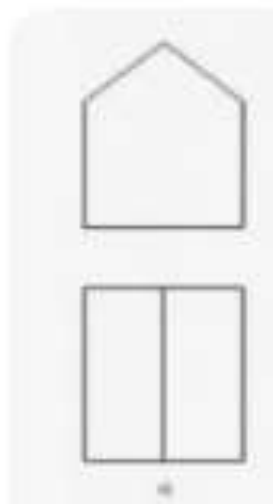
Câu 1: Em hãy nêu các bước vẽ phác hình chiếu phối cảnh một điểm tụ? (6 bước)

Câu 2: Em hãy vẽ phác hình chiếu phối cảnh một điểm tụ của vật thể được cho bằng hai hình chiếu vuông góc ở bên dưới?



Câu 3: Em hãy vẽ điểm tụ của vật thể được góc ở bên dưới?

phác hình chiếu phối cảnh một cho bằng hai hình chiếu vuông



Bài 13. Biểu diễn quy ước ren

Câu 1: Ren ngoài là gì? Ren trong là gì? Cho ví dụ mỗi loại ren?

Câu 2: Làm bài tập 1, 2 trang 79/sgk phần thực hành.

Bài 14. Bản vẽ cơ khí

Câu 1: Đọc bản vẽ chi tiết Hình 14.2 trang 81/sgk.

Câu 2: Các bước lập bản vẽ chi tiết (4 bước).

Câu 3: Đọc bản vẽ lắp Hình 14.8 trang 84/sgk.